

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HẢI LĂNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH QUẢNG TRỊ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Liên

- Ông Trần Quang Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ánh Phương, Thư ký tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2024/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị N**, sinh năm 1985; địa chỉ: **Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 14/8/2024.

Bị đơn: Anh **Đặng Bá T**, sinh năm 1980; địa chỉ: **Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị**, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 31/7/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2024 và quá trình tham gia tố tụng, chị **Lê Thị N** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Đặng Bá T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại **UBND xã H** (nay là **xã H**), **huyện H, tỉnh Quảng Trị** vào ngày 15/02/2011. Sau khi kết hôn, do không có được tiếng nói chung nên vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã lẫn nhau. Hiện nay, chị và anh **Đặng Bá T** đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Chị **Lê Thị N** xét thấy không còn tình cảm với anh **Đặng Bá T** nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị **N** được ly hôn.

- Về nuôi con chung: Có 02 cháu; **Đặng Lê Tiến Đ**, sinh ngày 10/4/2012 và **Đặng Lê Tiến T1**, sinh ngày 04/4/2016. Chị **Lê Thị N** có nguyện vọng trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Đặng Lê Tiến T1** và giao cho anh **Đặng Bá T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Đặng Lê Tiến Đ**. Chị **Lê Thị N** không yêu cầu anh **Đặng Bá T** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 31/5/2024, anh **Đặng Bá T** trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Lê Thị N** kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại **UBND xã H** (nay là **xã H**), huyện H, tỉnh Quảng Trị vào ngày 15/02/2011. Quá trình chung sống với nhau do tính tình không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn không thể khắc phục được. Hiện nay, anh và chị **Lê Thị N** đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn với nhau nữa nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị **Lê Thị N**.

- Về nuôi con chung: Có 02 cháu; **Đặng Lê Tiến Đ**, sinh ngày 10/4/2012 và **Đặng Lê Tiến T1**, sinh ngày 04/4/2016. Anh **Đặng Bá T** có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Đặng Lê Tiến Đ** và giao cho chị **Lê Thị N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Đặng Lê Tiến T1**. Anh **Đặng Bá T** không yêu cầu chị **Lê Thị N** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 97, 177, 195, 196, 203, 220, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, 57 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Lê Thị N** được ly hôn với anh **Đặng Bá T**.

- Về nuôi con chung: Giao cháu **Đặng Lê Tiến T1**, sinh ngày 04/4/2016 cho chị **Lê Thị N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu **Đặng Lê Tiến Đ**, sinh ngày 10/4/2012 cho anh **Đặng Bá T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị **Lê Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Bá T, anh Đặng Bá T có nơi cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị và vụ án không có yếu tố nước ngoài. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị N và anh Đặng Bá T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Đặng Bá T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã H (nay là xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/02/2011. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Đặng Bá T là hợp pháp. Chị Lê Thị N và anh Đặng Bá T đều thừa nhận giữa anh và chị chung sống với nhau không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng nên cả hai vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau.

Tại biên bản xác minh ngày 12/6/2024, Hội liên hiệp phụ nữ xã H cho biết: Trong quá trình chung sống, giữa chị Lê Thị N và anh Đặng Bá T thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân và không quan tâm gì đến nhau.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị Lê Thị N và anh Đặng Bá T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4]. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 cháu là Đặng Lê Tiến Đ, sinh ngày 10/4/2012 và Đặng Lê Tiến T1, sinh ngày 04/4/2016. Chị Lê Thị N và anh Đặng Bá T thoả thuận giao cháu Đặng Lê Tiến T1 cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, còn giao cho anh Đặng Bá T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Lê Tiến Đ. Cháu Đặng Lê Tiến Đ và Đặng Lê Tiến T1 có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì cháu Đ có nguyện vọng ở với anh T, cháu T1 có nguyện vọng ở với chị N. Xét thấy, yêu cầu nuôi con giữa chị N và anh T là có căn cứ nên cần chấp nhận. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228. Điều 238 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị N** được ly hôn anh **Đặng Bá T**.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu **Đặng Lê Tiến T1**, sinh ngày 04/4/2016 cho chị **Lê Thị N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu **Đặng Lê Tiến Đ**, sinh ngày 10/4/2012 cho anh **Đặng Bá T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Lê Thị N** phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số BLTU/2023/00000184 ngày 29/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng. Chị **Lê Thị N** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Lê Thị N** và anh **Đặng Bá T** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức H

Chị **Nguyễn Thị H1** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Nguyễn Văn D** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Dư Chánh- Phan Thị Huệ

Nguyễn Đức Hoan

